TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2018
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Lan Nhung

Bà Ngô Thị Luân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 N 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2018 về việc: "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX - ST ngày 21 tháng 5 N 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST- HNGĐ ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N sinh N: 1987
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q sinh N: 1985
Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị N có mặt còn anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày*:* Chị và anh Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại thôn X, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q nghiện ma túy và đi cai nghiện tập trung hai N tại trung tâm 05-06 đóng trên địa bàn huyện Đ. Tuy nhiên sau khi cai nghiện về thì anh Q vẫn không thay đổi mà còn hay xúc phạm chị nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Đã nhiều lần chị động viên anh Q để vợ chồng cải thiện tình cảm nhưng anh Q không quan tâm đến

những gì chị nói nên cuối năm 2011 chị đã về Hà Nội sống cùng bố mẹ đẻ, đến năm 2013 chị vào huyện Đ sống cùng anh chị cho đến nay còn anh Q sống với gia đình anh Q tại xã Đ, huyện L. Vì vậy chị N xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Về con chung chị N xác định quá trình chung sống chị và anh Q có một con chung là Nguyễn Duy K – sinh ngày 02/3/2008, khi ly hôn chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời nộp kèm theo đơn khởi kiện chị N đã nộp các chứng cứ gồm bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản photo có công chứng giấy khai sinh của con chung, bản photo có công chứng sổ hộ khẩu gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Q đều không có văn bản trình bày ý kiến gởi cho Tòa án và cũng không có mặt khi Tòa án triệu tập. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà anh Q nhưng vẫn không gặp được anh Q nên không lấy được lời khai của anh Q. Tuy nhiên qua xác minh thực tế tại gia đình và địa phương thì được biết vợ chồng anh Q phát sinh mâu thuẫn do anh Q sử dụng ma túy và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt và Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Q nhưng anh Q không có ý kiến gì và cũng không nộp tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn anh Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Q và giao con chung cho chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Q xây dựng gia đình với nhau năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội vào ngày 07/3/2007. Quá trình chung sống không được hòa thuận hạnh phúc nên chị N làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm với anh Q và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh Q vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Q phát sinh là do anh Q nghiện ma túy, không quan tâm đến việc chăm lo phát triển kinh tế gia đình, chị N đã tạo cơ hội để anh Q đi cai nghiện nhưng không có kết quả nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình Năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N và anh Q được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3].Về con chung: Chị N và anh Q có một con chung là Nguyễn Duy K – sinh ngày 02/3/2008, hiện đang sống cùng chị N. Xét thấy, hiện nay anh Q là đối tượng nghiện ma túy nên điều kiện để chăm sóc con có phần bị hạn chế, hơn nữa cháu Duy K đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ, đồng thời kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu đều sống ổn định với chị N. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình giao con là Nguyễn Duy K – sinh ngày 02/3/2008 cho chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4].Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh Q vắng mặt và cũng không có lời khai cụ thể về vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong quá trình chung sống nên Hội đồng xét xử không có cơ sở đặt ra để xem xét trong vụ án này. Sau này nếu anh Q cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản

chung cũng như có nợ chung và có phát sinh tranh chấp thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác theo thủ tục chung.

[5].Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Duy K – sinh ngày 02/3/2008 cho chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000335 ngày 10/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị N đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (27/6/2018), còn anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các*

Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã T;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thúy